

Bản án số: 201/2019/HS-PT

Ngày: 16-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 173/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Võ Công T do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2019/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Công T (Tên gọi khác: B1), sinh năm 1981 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; Có vợ và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

- Người bị hại có kháng cáo: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1957; Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1957 và ông Võ Văn T1, sinh năm 1944 cùng ngụ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có mâu thuẫn từ việc tranh chấp đường nước để canh tác vườn. Sáng ngày 27/11/2018, ông B đi thăm vườn thấy nước vào ngập vườn, nghi là ông T1 thả nước vào nên đến nhà ông T1 chửi và đòi đánh ông T1. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Võ Công T (là con ruột của ông T1) đi làm về nghe gia đình nói lại việc ông B đến nhà chửi và đòi đánh cha mình, cùng lúc này thì T thấy ông B chạy xe mô tô ngoài đường, do tức giận từ việc ông B chửi và đòi đánh cha mình, nên T liền lấy một khúc cây gỗ tròn dài 85cm, đường kính 04cm, trọng lượng 700gram trước cửa nhà mình chạy ra đường kêu ông B dừng xe lại nói chuyện. Sau khi ông B dừng xe lại thì T liền dùng khúc cây gỗ đánh trúng vào hông trái của ông B một cái gây thương tích, ông B bỏ chạy còn T thì được người nhà can ngăn đi vào nhà. Sau đó, ông B được người nhà đưa đến bệnh viện Đa khoa S cấp cứu, tiếp tục chuyển đến bệnh viện C, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị, đến ngày 13/12/2018 thì xuất viện.

Ngày 11/12/2018, Huỳnh Văn B có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Võ Công T.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 06/TgT ngày 10/01/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Huỳnh Văn B như sau: chấn thương vùng hông ngực trái gây gãy xương sườn 8, 9 trái. Thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 05%. Chấn thương trên do vật tày tác động gây nên.

Quá trình điều tra, bị hại Huỳnh Văn B yêu cầu bồi thường chi phí điều trị là 14.987.449đ (có hóa đơn chứng từ kèm theo); tiền công lao động của người bệnh là 12.000.000đ (200.000đ/01 ngày x 60 ngày) và tiền công người nuôi bệnh là 4.000.000đ (200.000đ/01 ngày x 02 người/01 ngày x 10 ngày); Tổng cộng: là 30.987.449đ. Đồng thời, tại phiên tòa bị hại yêu cầu thường tổn thất tinh thần là 10.000.000đ. Bị cáo Võ Công T đã nộp số tiền 3.000.000đ để bồi thường cho bị hại.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 khúc gỗ tròn dài 85cm, đường kính 04cm, nặng 700 gram.

Trong quá trình điều tra bị hại Huỳnh Văn B cho rằng ngoài Võ Công T dùng cây đánh ông gây thương tích thì có Võ Công T2, sinh năm 1972 ngụ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (là anh ruột của T) có dùng cây đánh trúng hông trái của ông 01 cái gây thương tích. Nhưng qua quá trình điều tra thì không có căn cứ chứng minh là T2 có dùng cây đánh ông B.

Tại bản án số 16/2019/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Võ Công T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Công T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Võ Công T bồi thường cho bị hại Huỳnh Văn B, tổng cộng: 24.637.000đ (hai mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Huỳnh Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Võ Công T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng bị cáo T còn phải trả tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, bị cáo Võ Công T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, bị hại Huỳnh Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự và tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Võ Công T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức án 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với

tính chất, mức độ mà hành vi của bị cáo gây ra. Khi xem xét mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo và cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, đã nộp khắc phục thêm số tiền 5.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù, bị cáo có cung cấp tình tiết mới tuy nhiên mức án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên không thể xem xét cho bị cáo. Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường và tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Võ Công T về mức hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Trong phần tranh luận, bị cáo và bị hại không tranh luận.

Nói lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo biết mình có lỗi, vi phạm pháp luật nhưng mong Hội đồng xét xử cho hưởng án treo để đi làm kiếm tiền lo cho gia đình và bồi thường tiếp cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng là phù hợp với quy định của pháp luật

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Do tức giận khi nghe gia đình nói lại việc bị hại Huỳnh Văn B đến nhà chửi và đòi đánh cha mình nên khi thấy ông B chạy xe ngang nhà, bị cáo lấy một khúc cây gỗ tròn dài 85 cm đánh trúng vào hông trái của ông B gây thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông B là 05% tại

thời điểm giám định. Sau khi điều trị, bị hại có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

[3] Xét thấy, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính mạng, sức khỏe con người được pháp luật bảo vệ, không ai được quyền xâm phạm. Chỉ vì tức giận không kiềm chế được bản thân khi nghe việc bị hại B chửi và đòi đánh cha bị cáo mà bị cáo đã dùng khúc cây gỗ tròn là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ giám định là 05%. Hành vi của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi xem xét mức hình phạt. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp đơn xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã nộp khắc phục thêm số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo đã nộp khắc phục 8.000.000 đồng (khoản 1/3 mức bồi thường mà án sơ thẩm tuyên buộc). Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Mặc dù, bị cáo có xuất trình tình tiết mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà án sơ thẩm tuyên là mức khởi điểm của khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, mức án trên phù hợp với hành vi mà bị cáo đã gây ra nên không xem xét giảm nhẹ hình phạt cũng như cho bị cáo được hưởng án treo, cần thiết áp dụng hình phạt tù như án sơ thẩm đã tuyên mới đủ sức giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy mức bồi thường dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường là thỏa đáng vì bị hại cũng có một phần lỗi khi đã đến nhà bị cáo và có lời lẽ hăm dọa đòi đánh cha bị cáo nên gây ra bức xúc cho bị cáo, án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các khoản thiệt hại mà bị hại được bồi thường theo quy định của pháp luật. Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng gì mới để chứng minh cho yêu cầu của

mình nên không có cơ sở xem xét cho bị hại. Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo, như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng pháp luật, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án. Mức án 06 tháng tù đối với bị cáo T là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt và mức bồi thường trách nhiệm dân sự.

[6] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, kháng cáo của bị hại không được chấp nhận nhưng không phải chịu án phí do bị hại thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Võ Công T.

Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự và tăng mức hình phạt đối với bị cáo Võ Công T của bị hại Huỳnh Văn B.

Giữ nguyên phần Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt và trách nhiệm dân sự của bị cáo Võ Công T.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Công T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Võ Công T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Buộc bị cáo Võ Công T bồi thường cho bị hại Huỳnh Văn B số tiền 24.637.000 đồng, trừ đi số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền

16.637.000 đồng cho bị hại Huỳnh Văn B.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người bị thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Về án phí: Bị cáo Võ Công T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 832.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh (01 bản);
- TA-VKS-THADS huyện C;
- CQCSĐT Công an huyện C;
- Bị cáo, bị hại;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Trúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành